

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III
NĂM 2022**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 3 năm 2022 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 04 tháng 10 năm 2022.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

1. Ông Vũ Văn Hạnh
2. Ông Phạm Văn Tiến
3. Bà Vũ Thị Ngọc
4. Ông Đỗ Văn Vững
5. Ông Vũ Đình Thanh
6. Ông Vũ Hữu Dưỡng

Chức vụ: Chủ tịch

Chức vụ: Phó chủ tịch

Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Chức vụ: Trưởng ban TTND

Chức vụ: Chủ tịch MTTQ xã

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 3 năm 2022.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 04/10/2022 đến hết ngày 04/11/2022.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết



Vũ Thị Ngọc



CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hạnh

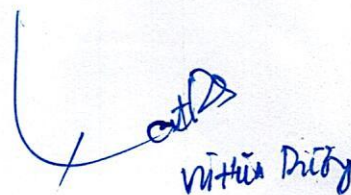
Các thành viên



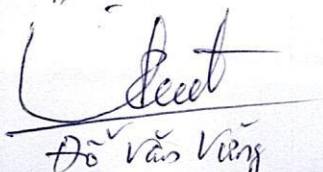
Vũ Đình Thanh



Phạm Văn Tiến



Vũ Hữu Dưỡng



Đỗ Văn Vững

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	19.469.682.000	19.469.682.000		2.835.763.701		14,57
I	Các khoản thu 100%	200.000.000	200.000.000		166.375.000		83,19
1	Phí, lệ phí	15.000.000	15.000.000		4.774.000		31,83
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	145.000.000	145.000.000		161.601.000		111,45
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40.000.000	40.000.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	15.120.100.000	15.120.100.000		83.388.701		0,55
1	Các khoản thu phân chia	116.100.000	116.100.000		17.817.150		15,35
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000.000	14.000.000		13.550.900		96,79
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.100.000	2.100.000				
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000.000	100.000.000		4.266.250		4,27
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	15.004.000.000	15.004.000.000		65.571.551		0,44
2.1	Thu tiền sử dụng đất	15.000.000.000	15.000.000.000		38.787.000		0,26
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	2.400.000	2.400.000		17.856.367		744,02
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	1.600.000	1.600.000		8.928.184		558,01
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.149.582.000	4.149.582.000		2.586.000.000		62,32
1	Thu bổ sung cân đối	2.589.878.000	2.589.878.000		1.000.000.000		38,61
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.559.704.000	1.559.704.000		1.586.000.000		101,69

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	19.469.682.000	15.000.000.000	4.469.682.000	2.886.800.564	1.613.171.000	1.273.629.564	14,83	10,75	28,49
	Trong đó:									
	Chỉ công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội				63.072.200		63.072.200			
	Chỉ dân quân tự vệ				45.461.800		45.461.800			
	Chỉ trật tự an toàn xã hội				17.610.400		17.610.400			
1	Chỉ giáo dục	15.012.000.000	15.000.000.000	12.000.000	1.613.171.000	1.613.171.000		10,75	10,75	
2	Chỉ ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chỉ y tế	12.000.000		12.000.000						
4	Chỉ văn hóa, thông tin	39.000.000		39.000.000	5.218.500		5.218.500	13,38		13,38
5	Chỉ phát thanh, truyền thanh	17.500.000		17.500.000						
6	Chỉ thể dục, thể thao									
7	Chỉ bảo vệ môi trường	19.500.000		19.500.000						
8	Chỉ các hoạt động kinh tế	24.050.000		24.050.000						
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
9	Chỉ hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.654.410.000		3.654.410.000	1.085.170.414		1.085.170.414	29,69		29,69
10	Chỉ cho công tác xã hội	242.139.600		242.139.600	120.168.450		120.168.450	49,63		49,63
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				120.168.450		120.168.450			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Khác									
11	Chi khác	449.082.400		449.082.400						
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU			3 = 2/1
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	19.324.682.000	2.835.763.701	14,67
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	55.000.000	166.375.000	302,50
3	Thu bổ sung	15.120.100.000	83.388.701	0,55
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.149.582.000	2.586.000.000	62,32
	- Bổ sung có mục tiêu	2.589.878.000	1.000.000.000	38,61
4	Thu chuyển nguồn	1.559.704.000	1.586.000.000	101,69
II	TỔNG SỐ CHI			
1	Chi đầu tư phát triển	19.227.542.400	2.823.728.364	14,69
2	Chi thường xuyên	15.000.000.000	1.613.171.000	10,75
3	Dự phòng	4.227.542.400	1.210.557.364	28,64

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM GIÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN
SÁCH XÃ QUÝ III/2022.**

ĐVT: đồng

Nội dung	Số tiền
- Căn cứ vào Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc cấp hỗ trợ kinh phí cho UBND các xã thị trấn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	1.530.000
- Căn cứ Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 Về việc cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ cho UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cẩm Giàng;	56.000.000
- Căn cứ Quyết định số 4025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 Về việc phê duyệt nguồn kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng năm 2022 theo quy định tại nghị định số 108/2021/NĐ-CP;	37.116.000
- Căn cứ Quyết định số 6042/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 Về việc cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ cho UBND các xã, thị trấn để hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, đội phó đội dân phòng tại các thôn, các khu dân cư trên địa bàn huyện Cẩm Giàng năm 2022 theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Hải Dương;	19.110.000
Tổng cộng	113.756.000